

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.



ISO 9001:2015

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2019

ĐƠN VỊ BÁO CÁO : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN
ĐƠN VỊ NHẬN BC : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

THÁNG 07 NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		71.493.001.576	65.120.602.313
I. Tiền	110		12.754.404.485	10.939.985.652
1. Tiền	111	V.01	12.754.404.485	10.939.985.652
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	122			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.966.012.631	14.184.472.708
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	4.309.064.393	3.441.439.088
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	2.324.476.930	1.001.755.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	10.332.471.308	9.741.277.920
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		41.111.114.100	39.077.457.200
1. Hàng tồn kho	141	V.06	41.111.114.100	39.077.457.200
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		661.470.360	918.686.753
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	649.496.860	906.713.253
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	11.973.500	11.973.500
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Soá cuoái kỳ	Soá ñầu năm
1	2	3	4	4
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210+220+240+250+260)	200		73.579.449.621	67.567.134.364
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		398.598.107	379.008.762
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	398.598.107	379.008.762
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		53.743.953.718	54.923.136.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	39.660.294.596	40.070.540.920
- Nguyên giá	222		108.977.790.360	105.586.027.893
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(69.317.495.764)	(65.515.486.973)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	14.083.659.122	14.852.595.722
- Nguyên giá	228		26.169.164.502	26.169.164.502
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(12.085.505.380)	(11.316.568.780)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.318.713.100	6.921.419.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	14.318.713.100	6.921.419.888
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Vốn Góp Liên Doanh				
- Đầu tư vào Công Ty Liên Kết				
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.118.184.696	3.343.569.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.118.184.696	3.343.569.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		145.072.451.197	132.687.736.677

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Soá cuối kỳ	Soá đầu năm
1	2	3	4	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		60.704.466.002	50.732.623.818
I. Nợ ngắn hạn	310		60.704.466.002	50.732.623.818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.628.230.401	13.269.110.334
2. Người mua trả tiền trước	312	V.13	822.535.892	324.620.818
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.559.690.302	2.452.811.924
4. Phải trả người lao động	314		5.586.747.001	9.726.118.466
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.242.289.610	1.550.494.227
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	25.396.644.856	16.875.021.229
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng - Phúc Lợi	322	V.17	7.468.327.940	6.534.446.820
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Chi phí phải trả dài hạn	332			
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335			
6. Phải trả dài hạn khác	336			
7. Vay và nợ thuê tài chính	337			
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế Thu Nhập hoãn lại phải trả	339			
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340			
11. Quỹ phát triển Khoa Học và Công nghệ	341			
12. Dự Phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.367.985.195	81.955.112.859
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.18	84.367.985.195	81.955.112.859
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.206.940.000	53.206.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		80.284.000	80.284.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		730.400.000	730.400.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(62.460.000)	(62.460.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.640.694.889	12.424.478.284
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.772.126.306	15.575.470.575
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.555.910.332	8.104.647.684
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.216.215.974	7.470.822.891

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Soá cuối kỳ	Soá đầu năm
1	2	3	4	4
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.072.451.197	132.687.736.677

Vũng Tàu, Ngày 19 Tháng 07 Năm 2019



Kế toán trưởng


Trần Thị Cảnh

Người Lập Biểu


Lưu Thị Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	81.851.726.595	69.191.361.008	127.047.402.061	113.532.655.337
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.623.418	-	11.623.418	-
3	DT thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		81.840.103.177	69.191.361.008	127.035.778.643	113.532.655.337
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.481.593.125	46.852.558.742	90.422.522.220	77.643.209.160
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ (20=10-11)	20		23.358.510.052	22.338.802.266	36.613.256.423	35.889.446.177
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.080.215	3.555.287	4.232.931	22.360.471
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	431.074.341	73.530.919	760.443.969	217.693.350
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		431.074.341	73.530.919	760.443.969	217.693.350
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	9.148.496.932	9.045.844.456	15.440.829.339	15.433.164.979
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.504.311.373	3.068.886.526	6.673.140.442	6.943.685.461
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		10.276.707.621	10.154.095.652	13.743.075.604	13.317.262.858
11	Thu nhập khác	31		14.841.864	41.503.577	16.051.764	41.513.949
12	Chi phí khác	32		60.735.909	16.523.458	123.940.093	43.411.352
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	VI.7	(45.894.045)	24.980.119	(107.888.329)	(1.897.403)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.230.813.576	10.179.075.771	13.635.187.275	13.315.365.455
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.151.740.742	1.897.573.892	2.824.372.040	2.500.151.618
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51 -52)	60		8.079.072.834	8.281.501.879	10.810.815.235	10.815.213.837
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.186	1.215	1.587	1.587

Vũng Tàu, Ngày 19 Tháng 07 Năm 2019



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

Kế Toán Trưởng

Trần Thị Cảnh

Người Lập Biểu

Lưu Thị Mai

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Gạch ngói	Ngói xi măng	Dịch vụ Xây lắp	Cộng
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	62.572.101.942	14.895.736.289	4.383.888.364	81.851.726.595
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	11.623.418			11.623.418
3	DT thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (1-2)	10	62.560.478.524	14.895.736.289	4.383.888.364	81.840.103.177
4	Giá vốn hàng bán	11	41.070.245.964	13.491.665.907	3.919.681.254	58.481.593.125
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ (20=	20	21.490.232.560	1.404.070.382	464.207.110	23.358.510.052
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.080.215			2.080.215
7	Chi phí tài chính	22	413.886.993	17.187.348		431.074.341
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	413.886.993	17.187.348	-	431.074.341
8	Chi phí bán hàng	24	8.669.135.090	479.361.842		9.148.496.932
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.504.311.373			3.504.311.373
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-2	30	8.904.979.319	907.521.192	464.207.110	10.276.707.621
11	Thu nhập khác	31	14.841.864			14.841.864
12	Chi phí khác	32	60.735.909			60.735.909
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	(45.894.045)	-	-	(45.894.045)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	8.859.085.274	907.521.192	464.207.110	10.230.813.576
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.877.395.082	181.504.238	92.841.422	2.151.740.742
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=	60	6.981.690.192	726.016.954	371.365.688	8.079.072.834
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				1.186



Vũng Tàu, Ngày 19 Tháng 07 Năm 2019

Kế Toán Trưởng

Người lập Biểu

Trần Thị Cảnh

Lưu Thị Mai

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 2 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		134.046.146.301	118.237.823.504
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(42.180.252.185)	(50.924.354.152)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.601.645.280)	(27.104.070.316)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(707.097.873)	(195.885.748)
5. Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.042.725.059)	(1.891.537.966)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.806.888.957	5.453.628.860
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.716.756.517)	(16.233.542.519)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.604.558.344	27.342.061.663
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.691.164.582)	(7.421.614.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			3.500.066.879
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			148.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.691.164.582)	(4.421.399.200)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			9.301.529.484
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.030.796.954)	(31.064.578.164)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.068.177.975)	(5.180.994.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.098.974.929)	(26.944.043.555)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.814.418.833	(4.023.381.092)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.939.985.652	13.948.213.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V1	12.754.404.485	9.924.832.651

Vũng Tàu, Ngày 19 Tháng 07 Năm 2019



Kế Toán Trưởng

Người Lập Biểu

(Signature)
 Trần Thị Cảnh

(Signature)
 Lưu Thị Mai

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 04 năm 2005, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng; vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh; mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng và tăng vốn điều lệ từ 2.100.000.000 VND lên 3.100.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27 tháng 06 năm 2006, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 3.100.000.000 VND lên 5.300.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 04 năm 2007, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng và tăng vốn điều lệ từ 5.300.000.000 VND lên 25.612.400.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 05 năm 2008, chuẩn y các việc sau: thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000/cổ phiếu xuống 10.000/cổ phiếu và thay đổi người sở hữu cổ đông sáng lập của Công ty, từ ông Nguyễn Đức Tuấn sang bà Dư Thị Thanh Hương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm số 3500640966 ngày 24 tháng 12 năm 2008, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 25.612.400.000 VND lên 40.942.700.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 05 năm 2010, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 40.942.700.000 VND lên 53.206.940.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 08 năm 2012, chuẩn y việc đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Gạch Ngói Xây dựng Mỹ Xuân thành Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 08 năm 2018, Chuẩn y việc thay đổi địa chỉ Công ty từ Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thành Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 05 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty từ Ông Lưu Ngọc Thanh sang Ông Nguyễn Văn Sơn - Tổng Giám Đốc công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 44/2011/GCNCP-VSD ngày 27 tháng 06 năm 2011 với số lượng 5.320.694 cổ phiếu niêm yết tương ứng 53.206.940.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 15 tháng 09 năm 2011 với mã chứng khoán là GMX.

- **Vốn điều lệ** : 53.206.940.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lưu Ngọc Thanh	12B/7 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Tp. Vũng Tàu	200.000	2.000.000.000	3,76
2	Ông Dư Quốc Trung	127/20 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu	129.800	1.298.000.000	2,44
3	Ông Ngô Thành Cương	H65 C/C Hoàng Tháp, Đường 9A, Xã Bình Hưng, H. Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	52.608	526.080.000	0,99
4	Ông Nguyễn Văn Sơn	69 Lê Lợi, Phường 9, Tp. Vũng Tàu	131.722	1.317.220.000	2,48
5	Ông Nguyễn Thế Đô	48/16/7 Nguyễn Trường Tộ, Phường 3, Tp. Vũng Tàu	121.200	1.212.000.000	2,28
6	Các cổ đông khác		4.685.364	46.853.640.000	88,06
	Cộng		5.320.694	53.206.940.000	100,00

Số cổ phiếu : 5.320.694 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (0254) 3 876 770 – 3 893 150

Fax : (0254) 3 894 168

Mã số thuế : **3 5 0 0 6 4 0 9 6 6**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Khai thác đất sét;

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mở;
Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Văn phòng đại diện

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng giao dịch, không kinh doanh

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 388 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 396 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 16 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác và vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dự trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản phải thu không mang tính thương mại tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và chi phí thăm dò mỏ sét.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là từ 5 đến 38 năm.

Chi phí thăm dò mỏ sét

Chi phí cho hoạt động thăm dò mỏ sét, chi phí đền bù mở rộng mỏ sét được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, lệ phí quyền khai thác khoáng sản và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Lệ phí quyền khai thác khoáng sản là chi phí mà Công ty chi ra để có được quyền khai thác khoáng sản. Lệ phí quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được khai thác còn lại.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi theo đối số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/19</u>	<u>01/01/19</u>
Tiền mặt	4.884.928.500	4.478.622.000
Tiền gửi ngân hàng	7.869.475.985	6.461.363.652
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	5.535.036.151	5.613.679.152
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.332.523.973	845.715.592
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (Chứng khoán)	1.915.861	1.968.908
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-
Cộng	<u>12.754.404.485</u>	<u>10.939.985.652</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>30/06/19</u>	<u>01/01/19</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.309.064.393	3.441.439.088
Khu vực Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ	69.042.692	-
Khu vực TX. Phú Mỹ - Châu Đức	43.296.002	38.740.127
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	749.569.592	619.082.004
Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	565.739.562	419.674.147
Khu vực miền Trung - Tây Nguyên	-	32.060.610
Khu vực Đà Lạt	48.471.283	-
Văn Phòng Đại Diện Vũng Tàu	-	-
Khu vực TP Vũng Tàu - PKD	10.232.500	10.232.500
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	209.275.400	208.697.400
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	135.118.500	987.902.300
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	2.478.318.862	1.125.050.000
Cộng	4.309.064.393	3.441.439.088

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	209.275.400	208.697.400
Cộng	209.275.400	208.697.400

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/06/19</u>	<u>01/01/19</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.324.476.930	1.001.755.700
Công Ty TNHH Kinh Doanh Than Quảng Ninh	1.700.000.000	-
Công ty CP Tin học Vân Thanh	40.000.000	40.000.000
Điện Lực Thị Xã Phú Mỹ - Công ty Điện Lực Bà Rịa Vũng Tàu	-	3.395.700
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Tiến Mạnh	-	439.120.000
Cơ Sở Lý Hùng	-	56.000.000
Công ty TNHH MTV Phương Trang Ngọc	400.000.000	300.000.000
CTy TNHH Đầu Tư - XD & TM Nhật Tân	39.600.000	39.600.000
Công ty TNHH Thương Mại Ngân Long	144.876.930	101.640.000
Công Ty TNHH Thẩm Định Giá Đất Việt	-	22.000.000
Cộng	2.324.476.930	1.001.755.700

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	30/06/19		01/01/19	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	10.332.471.308	-	9.741.277.920	-
x Tạm ứng nhân viên	61.500.000	-	94.406.698	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	-	-	-	-
x Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh	8.321.334.716	-	7.734.769.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thời	-	-	-	-
Bà Đoàn Thị Dung	1.897.513.000	-	1.897.513.000	-
Phải thu khác	52.123.592	-	14.589.222	-
Phải thu dài hạn khác	398.598.107	-	379.008.762	-
x Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh	398.598.107	-	379.008.762	-
Cộng	10.731.069.415	-	10.120.286.682	-

5. Hàng tồn kho

	30/06/19		01/01/19	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.873.331.652	-	23.750.228.815	-
Công cụ, dụng cụ	301.635.721	-	346.747.664	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.944.434.135	-	3.170.139.519	-
Thành phẩm	7.096.019.552	-	10.475.382.806	-
Hàng hóa	895.693.040	-	1.334.958.396	-
Cộng	41.111.114.100	-	39.077.457.200	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước**

Chỉ tiêu	30/06/19	01/01/19
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn	649.496.860	906.713.253
Chi phí công cụ dụng cụ	615.628.900	834.089.253
Sửa chữa nhỏ	33.867.960	72.624.000
Thuê Văn Phòng Vũng Tàu	-	-
b/ Chi phí trả trước dài hạn	3.118.184.696	3.343.569.072
Chi phí công cụ dụng cụ	692.004.148	1.000.581.250
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.768.358.848	1.662.680.902
Lệ phí quyền khai thác khoáng sản	639.488.500	680.306.920
Phần Mềm Quản Lý	18.333.200	-
Tổng cộng	3.767.681.556	4.250.282.325

7. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình và hao mòn trong quý như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	44.638.275.757	55.670.585.784	4.590.300.352	686.866.000	105.586.027.893
2. Số tăng trong quý	699.734.682	2.692.027.785	-	-	3.391.762.467
- Mua sắm mới		560.000.000			560.000.000
- XD/CB hoàn thành	699.734.682	2.132.027.785			2.831.762.467
3. Giảm trong quý	-	-	-	-	-
- Thanh lý					-
- Nhượng bán					-
- Giảm khác (*)	-				-
4. Số cuối quý	45.338.010.439	58.362.613.569	4.590.300.352	686.866.000	108.977.790.360
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	25.519.009.666	36.827.668.060	2.807.135.467	361.673.780	65.515.486.973
2. Tăng trong quý	1.178.341.197	2.346.553.454	211.307.100	65.807.040	3.802.008.791
- Khấu hao trong quý	1.178.341.197	2.346.553.454	211.307.100	65.807.040	3.802.008.791
3. Giảm trong quý	-	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Thanh lý					-
- Nhượng bán					-
- Giảm khác (*)					-
4. Số cuối năm	26.697.350.863	39.174.221.514	3.018.442.567	427.480.820	69.317.495.764

III. Giá trị còn lại

1. Số đầu năm	19.119.266.091	18.842.917.724	1.783.164.885	325.192.220	40.070.540.920
2. Số cuối năm	18.640.659.576	19.188.392.055	1.571.857.785	259.385.180	39.660.294.596

Trong đó:**Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:**

Đến 01/01/19	10.622.039.208	23.729.677.296	1.516.409.897	41.296.000	35.909.422.401
Đến 31/03/19	11.275.881.081	25.450.061.325	1.516.409.897	41.296.000	38.283.648.303

8. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	25.507.139.502	662.025.000	26.169.164.502
2. Tăng trong kỳ			-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	25.507.139.502	662.025.000	26.169.164.502
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	10.675.793.780	640.775.000	11.316.568.780
2. Tăng trong kỳ	765.186.600	3.750.000	768.936.600
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	11.440.980.380	644.525.000	12.085.505.380
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	14.831.345.722	21.250.000	14.852.595.722
2. Số cuối kỳ	14.066.159.122	17.500.000	14.083.659.122

Trong đó:**Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:**

Đến 01/01/19	1.833.570.904	632.025.000	2.465.595.904
Đến 30/06/19	1.833.570.904	632.025.000	2.465.595.904

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>30/06/19</u>	<u>01/01/19</u>
I Mua sắm TSCĐ	9.120.131.363	3.504.495.000
Đất mở rộng kho chứa nguyên liệu tại Nhà		
1 máy	2.356.470.000	2.356.470.000
2 Máy xa luân Bogioanni		403.000.000
3 Máy nhào 2 trục		202.025.000
4 Máy đập ngói 22		503.000.000
5 Máy nén khí lắp máy đục bê tông		40.000.000
6 Máy Đùn	680.000.000	
7 Máy nhào lọc 2 trục 400 có lưới	318.965.035	
8 Máy đùn ép chân không 400	637.930.070	
9 Máy nghiền xa luân	850.573.426	
10 Máy nhào 2 trục	202.025.000	
11 Máy cán 600	956.895.105	
12 Máy robot DC3	3.117.272.727	
II XDCh dở dang	5.110.450.533	3.389.547.368
1 Mở rộng mô sét Mỹ Xuân	1.211.992.445	1.211.992.445
2 Kho ngói màu	281.747.800	281.747.800
3 Máy cán mịn CR1208	473.990.654	473.990.654
4 Máy nghiền xa mốt	276.646.800	132.727.734
5 Trạm cân		58.170.974
6 Máy cán thô CR1208	449.106.828	449.106.828
7 Máy cán thô CR1208	388.322.078	388.322.078
8 Máy xa luân Bogioanni		269.671.000
9 Máy đập ngói 22		656.121
10 Xe phà kích thủy lực lò 2		41.442.745
11 Xe goòng sấy gạch mini lò 2		7.362.963
12 Quạt N10 lắp lò sấy ngói mini lò 3		43.856.026
13 Dự Án Châu Đức	30.500.000	30.500.000
14 Máy Đùn	157.479.399	
15 Máy robot DC3	288.036.611	
16 Nhà xay xa mốt Dc3	827.918.925	
17 Đường vào Mô sét Suối Rao – Châu Đức	140.909.091	
18 Chi phí thẩm định quyền sử dụng đất của 4 hộ	40.000.000	
19 Chi phí bồi thường cho hộ Bùi Tiến Sỹ	211.085.650	
20 Chi phí bồi thường cho hộ Bùi Tiến Dũng	332.714.252	
III Tổng Cộng	14.230.581.896 -	6.894.042.368

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/19			01/01/19		
	Giá gốc	Dự phò ng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phò ng	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Đầu tư trái Phiếu VCB theo Hợp đồng Số 02 /2018/TPVCB/VCB -VT	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/19		01/01/19	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	15.628.230.401	15.628.230.401	13.269.110.334	13.269.110.334
Phí đền bù giải tòa, mở rộng mỏ sét Mỹ Xuân 1	47.421.860	47.421.860	47.421.860	47.421.860
Phí đền bù đất, hoa màu mỏ sét Đọt 2	32.955.220	32.955.220	32.955.220	32.955.220
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	8.767.036.895	8.767.036.895	7.158.713.270	7.158.713.270
- <i>Cung cấp hàng hóa</i>	<i>7.039.223.895</i>	<i>7.039.223.895</i>	<i>5.858.662.270</i>	<i>5.858.662.270</i>
- <i>Cung cấp dịch vụ thuê máy móc thiết bị</i>	<i>184.832.000</i>	<i>184.832.000</i>	<i>240.122.000</i>	<i>240.122.000</i>
- <i>Cung cấp dịch vụ vận chuyên</i>	<i>1.542.981.000</i>	<i>1.542.981.000</i>	<i>1.059.929.000</i>	<i>1.059.929.000</i>
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí XD Và Vật Liệu Hà Nội		-	845.400.000	845.400.000
Công ty TNHH BEHNMEYER Việt Nam	294.210.840	294.210.840	366.593.304	366.593.304
Công ty TNHH Đầu tư TM DV Lưu Kiến Lộc	338.874.500	338.874.500	368.012.254	368.012.254

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công Ty TNHH Cơ Khí Đức Thành Đồng	223.806.000	223.806.000	86.933.000	86.933.000
CÔNG Ty TNHH DV TM CK XD Đại Phú Long	592.366.000	592.366.000	-	-
Công ty TNHH Thủy Triều Phát	267.873.300	267.873.300	229.524.380	229.524.380
Công ty TNHH Trí Đạt	2.760.991.121	2.760.991.121	2.126.412.000	2.126.412.000
Công Ty CP Đầu Tư và Công Nghệ Đức Thành	342.900.000	342.900.000		
Các nhà cung cấp khác	1.959.794.665	1.959.794.665	2.007.145.046	2.007.145.046
Cộng	15.628.230.401	15.628.230.401	13.269.110.334	13.269.110.334

	<u>30/06/19</u>	<u>01/01/19</u>
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	8.767.036.895	7.158.713.270
Cộng	8.767.036.895	7.158.713.270

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu vực Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ	-	-
Khu vực TX. Phú Mỹ - Châu Đức	-	5.362.500
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	498.101.759	23.639.762
Khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long	199.433.145	56.242.002
Khu vực miền Trung - Tây Nguyên	-	-
Khu vực Đà Lạt	-	98.695.060
Khu Vực Vũng Tàu	125.000.988	140.681.494
Tổng cộng	822.535.892	324.620.818

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Phải nộp đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	2.440.838.424	10.576.262.069	8.535.022.271	4.482.078.222
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	410.124.382	4.548.075.162	3.872.771.536	1.085.428.008

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu				-
3.	Thuế xuất nhập khẩu	(11.973.500)			(11.973.500)
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.132.704.893	2.824.372.040	1.805.336.191	2.151.740.742
5.	Thuế tài nguyên (**)	-	2.672.607.495	2.086.781.383	585.826.112
6.	Tiền thuê đất	494.384.880	15.918.849		510.303.729
7.	Các loại thuế khác	415.597.769	515.288.523	770.133.161	160.753.131
	- Thuế TNCN phát sinh trong kỳ	415.597.769	787.963.215	770.133.161	433.427.823
	- Quyết toán TNCN năm 2018		(272.674.692)		(272.674.692)
8.	Thuế Môn Bài		3.000.000	3.000.000	
II.	Các khoản phải nộp khác	-	608.695.841	543.057.261	65.638.580
1.	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-
1.	Các khoản phí, lệ phí	-	608.695.841	543.057.261	65.638.580
2.	Các khoản khác				-
	Tổng cộng	2.452.811.924	11.184.957.910	9.078.079.532	4.547.716.802

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(11.973.500)	(11.973.500)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>2.471.001.924</u>	<u>4.559.690.302</u>

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10%

• Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo quy định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/06/19</u>	<u>01/01/19</u>
Kinh phí công đoàn	270.496.240	254.092.700
Bảo hiểm xã hội	558.962.805	546.293.640
Bảo hiểm y tế	100.056.825	97.214.220
Bảo hiểm thất nghiệp	43.840.220	42.846.560
Phải trả Cổ tức, Lợi nhuận được chia	213.505.400	214.017.725
Phải trả khác	55.428.120	396.029.382
Tổng cộng	<u>1.242.289.610</u>	<u>1.550.494.227</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Súi Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2019		Trong kỳ		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a/ Vay ngắn hạn	16.875.021.229	16.875.021.229	46.552.420.586	38.030.796.959	25.396.644.856	25.396.644.856
- Vay Chi nhánh ngân hàng DT-PT Phú Mỹ	7.261.274.230	7.261.274.230	21.978.566.733	15.678.942.126	13.560.898.837	13.560.898.837
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	9.613.746.999	9.613.746.999	24.573.853.853	22.351.854.833	11.835.746.019	11.835.746.019
b/ Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	16.875.021.229	16.875.021.229	46.552.420.586	38.030.796.959	25.396.644.856	25.396.644.856

(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ

Hợp đồng tín dụng hạn mức: Số 01/2018/1509034/HĐTD ngày 21 tháng 9 năm 2018

Hạn mức tín dụng: 18.000.000.000 VND (bao gồm dư nợ từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1509034/HĐTD ngày 23 tháng 8 năm 2017)

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Thời hạn cho vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể

Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Biện pháp đảm bảo:

Thế chấp Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HD ngày 20 tháng 5 năm 2013, "Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HD ngày 20 tháng 5 năm 2013" số 01/2017/1509034/SDBS ngày 10 tháng 8 năm 2017 và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.

Giá trị hàng tồn kho, quyền đòi nợ từ các hợp đồng, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, vốn góp vào các công ty khác... của Bên vay đương nhiên là tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng tại Ngân hàng.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác (khi Ngân hàng có yêu cầu). Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng (khi Ngân hàng có yêu cầu).

(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

Hợp đồng cho vay theo hạn mức: Số GMX-HD/HM/2018 ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND

Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký Hợp đồng này đến ngày 26 tháng 7 năm 2018

Thời hạn cho vay: Tối đa là 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

Lãi suất: Theo từng Giấy nhận nợ

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Biện pháp đảm bảo:

Theo Hợp đồng bảo đảm số 01-2017-HD/TC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 02-2017/HD/TC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 03-2017/HD/TC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 14550.
- Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân I, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Nhà cửa vật kiến trúc trên đất thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch Ngôi Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.
- Máy móc thiết bị thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch Ngôi Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Súi Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 01/01	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Tại ngày 31/12
2018					
Quỹ khen thưởng	5.743.462.539	4.200.054.705		4.795.592.500	5.147.924.744
Quỹ phúc lợi	729.672.824	420.005.471		280.870.000	868.808.295
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	927.718.196	563.824.585		973.829.000	517.713.781
Cộng	7.400.853.559	5.183.884.761	-	6.050.291.500	6.534.446.820
2019					
Quỹ khen thưởng	5.147.924.744	2.162.166.051		978.500.000	6.331.590.795
Quỹ phúc lợi	868.808.295	216.216.605		73.442.000	1.011.582.900
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	517.713.781	123.995.464		516.555.000	125.154.245
Cộng	6.534.446.820	2.502.378.120	-	1.568.497.000	7.468.327.940

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	53.206.940.000	80.284.000	710.400.000	(62.460.000)	12.004.472.814	13.489.982.653	79.429.619.467
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	20.000.000	-	-	-	20.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	21.000.273.523	21.000.273.523
Tăng các quỹ năm trước	-	-	-	-	-	(24.775.371)	(24.775.371)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(13.286.120.000)	(13.286.120.000)
Tạm trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	420.005.470	(5.603.890.231)	(5.183.884.761)
Số dư cuối năm trước	53.206.940.000	80.284.000	730.400.000	(62.460.000)	12.424.478.284	15.575.470.574	81.955.112.859
Số dư đầu năm nay	53.206.940.000	80.284.000	730.400.000	(62.460.000)	12.424.478.284	15.575.470.574	81.955.112.859
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	10.810.815.235	10.810.815.235
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	(581.116.779)	(581.116.779)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.314.448.000)	(5.314.448.000)
Tạm trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	-	216.216.605	(2.718.594.725)	(2.502.378.120)
Số dư cuối kỳ	53.206.940.000	80.284.000	730.400.000	(62.460.000)	12.640.694.889	17.772.126.306	84.367.985.195

(*) Điều chỉnh bổ sung nghĩa vụ thuế do truy thu thuế GTGT; TNDN của các năm 2009 – 2010 - 2011 theo Kết Luận thanh tra thuế số 5211/KLTT-CT của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 19 tháng 06 năm 2019.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		15.575.470.575
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	10.810.815.235	
Các khoản tăng lợi nhuận	-	
Các khoản giảm lợi nhuận	8.614.159.504	
<i>Chia cổ tức</i>	5.314.448.000	
<i>Trích lập các quỹ (*)</i>	2.718.594.725	
<i>Giảm khác</i>	581.116.779	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	17.772.126.306	

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.320.694	5.320.694
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.320.694	5.320.694
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.320.694	5.320.694
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	6.246	6.246
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.246	6.246
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.314.448	5.314.448
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.314.448	5.314.448
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

Căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ/2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019, Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019. Quyết định phân phối lợi nhuận năm 2018 công bố chia cổ tức theo tỷ lệ 25% trên vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương là 13.286.120.000 VND. Ngày 27/11/2018 Công ty tạm ứng Cổ Tức Đợt 1 Năm 2018 tỷ lệ 15% tương ứng với số tiền là 7.971.672.000 VND. Ngày 26/06/2019 Công ty đã thanh toán cổ tức Đợt 2 năm 2018 tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền là 5.314.448.000 VND.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 Tháng ĐN 2019	6 Tháng ĐN 2018
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	99.379.633.093	93.043.251.814
- Gạch Xây tường	56.698.913.650	82.337.434.307
- Sản phẩm trang trí	42.680.719.443	10.705.817.507
Doanh thu ngói xi măng màu	23.120.244.240	19.801.130.799
Doanh thu hoạt động khác	4.547.524.728	688.272.724
Các khoản giảm trừ doanh thu	11.623.418	-
Hàng bán bị trả lại	11.623.418	
Doanh thu thuần	127.035.778.643	113.532.655.337

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn gạch ngói đất sét nung	65.876.837.266	59.870.953.487
- Gạch Xây tường	36.964.016.602	34.643.809.031
- Sản phẩm trang trí	28.912.820.664	25.227.144.456
Giá vốn ngói xi măng màu	20.626.003.700	17.200.736.608
Giá vốn động khác	3.919.681.254	571.519.065
Tổng cộng	90.422.522.220	77.643.209.160

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	4.232.931	22.212.350
Lãi Hoạt động mua bán chứng khoán		148.121
Tổng cộng	4.232.931	22.360.471

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	760.443.969	217.693.350
Tổng cộng	760.443.969	217.693.350

5. Chi phí bán hàng

	6 Tháng ĐN 2019	6 Tháng ĐN 2018
Chi phí nhân viên bán hàng	4.115.280.917	3.612.944.663
Chi phí vật liệu, bao bì	2.461.915.882	3.069.307.887
Chi phí công cụ	361.836.232	196.661.494
Chi phí khấu hao	76.755.720	136.259.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.387.257.788	8.278.253.880
Chi phí bằng tiền khác	37.782.800	139.737.500

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng cộng	15.440.829.339	15.433.164.979
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	6 Tháng ĐN 2019	6 Tháng ĐN 2018
Chi phí nhân viên quản lý	4.856.424.573	4.937.304.084
Chi phí đồ dùng Văn Phòng	76.048.487	55.417.041
Chi phí khấu hao	144.905.280	140.801.400
Thuế, phí, lệ phí	18.918.849	18.918.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	757.968.210	574.535.298
Chi phí bằng tiền khác	818.875.043	1.216.708.789
Tổng cộng	6.673.140.442	6.943.685.461
7. Lợi nhuận (lỗ) khác		
	6 Tháng ĐN 2019	6 Tháng ĐN 2018
Thu nhập khác		
Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Thu hồi nợ khó đòi		15.553.460
Xử lý công nợ		16.066.429
Thu các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến cung cấp vật tư	14.841.090	
Thu nhập khác	1.210.674	9.894.060
Tổng cộng	16.051.764	41.513.949
Chi phí khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Các khoản chi phí bỏ sót	7.220.000	
Chi Phí Khác	83.735.696	25.540.408
Phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm	32.984.397	17.870.944
Tổng cộng	123.940.093	43.411.352
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(107.888.329)	(1.897.403)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019				Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018			
	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu	99.379.633.093	23.120.244.240	4.547.524.728	127.047.402.061	93.043.251.814	20.128.403.523	361.000.000	113.532.655.337
Các khoản giảm trừ	11.623.418	-	-	11.623.418	-	-	-	-
Doanh thu thuần	99.368.009.675	23.120.244.240	4.547.524.728	127.035.778.643	93.043.251.814	20.128.403.523	361.000.000	113.532.655.337
Giá vốn	65.876.837.266	20.626.003.700	3.919.681.254	90.422.522.220	59.870.953.487	17.444.466.380	327.789.293	77.643.209.160
Lợi nhuận gộp Doanh thu hoạt động tài chính	33.491.172.409 4.232.931	2.494.240.540 -	627.843.474 -	36.613.256.423 4.232.931	33.172.298.327 22.360.471	2.683.937.143 -	33.210.707 -	35.889.446.177 22.360.471
Chi phí tài chính	731.484.693	28.959.276	-	760.443.969	211.110.456	6.582.894	-	217.693.350
Chi phí bán hàng	14.558.414.701	882.414.638	-	15.440.829.339	14.656.259.349	776.905.630	-	15.433.164.979
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.673.140.442	-	-	6.673.140.442	6.943.685.461	-	-	6.943.685.461
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.532.365.504	1.582.866.626	627.843.474	13.743.075.604	11.383.603.532	1.900.448.619	33.210.707	13.317.262.858
Thu nhập khác	16.051.764	-	-	16.051.764	41.513.949	-	-	41.513.949
Chi phí khác	123.940.093	-	-	123.940.093	43.411.352	-	-	43.411.352
Lợi nhuận khác	(107.888.329)	-	-	(107.888.329)	(1.897.403)	-	-	(1.897.403)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nham, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.424.477.175	1.582.866.626	627.843.474	13.635.187.275	11.381.706.129	1.900.448.619	33.210.707	13.315.365.455
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	486.672.923	-	-	486.672.923	209.962.712	-	-	209.962.712
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	486.672.923	-	-	486.672.923	209.962.712	-	-	209.962.712
- Tài lao HDQT không tham gia HDKD	144.118.000	-	-	144.118.000	132.000.000	-	-	132.000.000
- Chi phí khấu hao không đúng quy định	34.551.360	-	-	34.551.360	34.551.360	-	-	34.551.360
- Chi phí kế toán - Phát chậm nộp thuế, Bảo hiểm	253.647.654	-	-	253.647.654	43.411.352	-	-	43.411.352
	54.355.909	-	-	54.355.909	-	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.911.150.098	1.582.866.626	627.843.474	14.121.860.198	11.591.668.841	1.900.448.619	33.210.707	13.525.328.167
Thu nhập chịu thuế suất 20%	11.911.150.098	1.582.866.626	627.843.474	14.121.860.198	7.493.388.533	1.900.448.619	33.210.707	9.427.047.859
	20%	20%	20%	20%	20%	20,0%	20%	20%
Thuế suất áp dụng doanh nghiệp phải nộp	2.382.230.020	316.573.325	125.568.695	2.824.372.040	1.498.677.707	380.089.723	6.642.141	1.885.409.571
Thu nhập tính thuế suất ưu đãi 15%	-	-	-	-	4.098.280.308	-	-	4.098.280.308
Thuế TNĐN theo thuế suất ưu đãi	-	-	-	-	614.742.046	-	-	614.742.046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.382.230.020	316.573.325	125.568.695	2.824.372.040	2.113.419.754	380.089.723	6.642.141	2.500.151.618

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.810.815.235	10.815.213.837
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.378.382.656	2.379.347.045
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.432.432.579	8.435.866.792
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.587	1.587

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.810.815.235	10.815.213.837
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.378.382.656	2.379.347.045
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.432.432.579	8.435.866.792
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	8.432.432.579	8.435.866.792
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.314.448	5.314.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.587	1.587

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Giao dịch

	6 Tháng ĐN 2019	6 Tháng ĐN 2018
<i>Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân</i>		
Cung cấp vật tư, dịch vụ cho thuê MMTB	414.341.100	360.000.000
Thu tiền cung cấp dịch vụ	413.763.100	360.000.000
Mua hàng	29.513.268.894	27.208.036.604
Thanh toán tiền mua hàng	28.332.707.269	27.074.054.732
Thuê máy móc thiết bị	1.063.559.000	1.401.881.750
Thanh toán thuê máy móc thiết bị	1.118.849.000	1.449.026.750
Dịch vụ vận chuyển	7.910.903.000	7.531.049.000
Thanh toán phí dịch vụ vận chuyển	<u>7.427.851.000</u>	<u>6.621.762.000</u>
Góp vốn đầu tư		-

Số dư

	6 Tháng ĐN 2019	6 Tháng ĐN 2018
<i>Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	209.275.400	180.000.000
Phải trả tiền mua hàng	7.039.223.895	5.299.951.544
Phải trả phí thuê máy móc thiết bị	184.832.000	233.737.000
Phải trả phí dịch vụ vận chuyển	1.542.981.000	<u>2.130.576.000</u>

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>6 Tháng ĐN 2019</u>	<u>6 Tháng ĐN 2018</u>
Tiền lương, phụ cấp	2.441.070.260	2.067.712.512
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	390.000.000	408.000.000
Cộng	<u>2.831.070.260</u>	<u>2.475.712.512</u>

18. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được lấy từ báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 07 năm 2019.



NGUYỄN VĂN SƠN
Tổng giám đốc

TRẦN THỊ CẢNH
Kế toán trưởng

LƯU THỊ MAI
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN
SỐ 50/ CV.GMX-2019
V/v: CBTT Báo Cáo Tài Chính
Quý 2. 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----

Phú Mỹ, Ngày 19 Tháng 07 năm 2019

Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố:
6.1 Báo cáo tài chính quý 2 năm 2019 của Công Ty CP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 19/07/2019 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.myxuan-vt.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:
-



Lưu Thị Mai